

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2007/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**về việc nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan năm 2008 và 2009
đối với hàng hóa có xuất xứ Campuchia****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị quyết số 01/2007/QH12 ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ nhất về cơ cấu tổ chức của Chính phủ và số Phó thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ khóa XII;

Căn cứ Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia ký ngày 05 tháng 11 năm 2007 tại Phnom Pênh, Campuchia;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1176/VPCP-QHQT ngày 21 tháng 11 năm 2007 về thỏa thuận hàng nông sản Campuchia được nhập khẩu vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu năm 2008 và năm 2009 đối với hai nhóm mặt hàng có xuất xứ Campuchia với thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% (không phần trăm) gồm:

- Năm 2008: 150.000 tấn thóc, gạo (quy gạo) và 3.000 tấn lá thuốc lá khô.
- Năm 2009: 200.000 tấn thóc, gạo (quy gạo) và 3.000 tấn lá thuốc lá khô.

Mã số hàng hóa và tỷ lệ quy đổi theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thương nhân Việt Nam được nhập khẩu thóc, gạo và lá thuốc lá khô theo hạn ngạch thuế quan và được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0%. Riêng đối với lá thuốc lá khô, chỉ

những thương nhân có giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu để hưởng thuế suất thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan do Bộ Công thương cấp theo quy định tại Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) mới được phép nhập khẩu; Số lượng nhập khẩu tính trừ vào giấy phép nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu do Bộ Công thương cấp.

Điều 3. Hàng hóa nhập khẩu nêu tại Điều 1 Quyết định này phải có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu S (C/O form S) do cơ quan thẩm quyền của Campuchia cấp theo quy định, được

thông quan qua các cặp cửa khẩu nêu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này. Thủ tục nhập khẩu hàng hóa giải quyết tại hải quan cửa khẩu nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa theo nguyên tắc trừ lùi tự động (tổng lượng hàng nhập khẩu được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trừ đi số lượng nhập khẩu của từng mặt hàng).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Biên

Phụ lục I

MÃ SỐ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU THEO HẠN NGẠCH
THUẾ QUAN TỪ CAMPUCHIA

(kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2007
của Bộ Công thương)

TT	Tên hàng	Mã số hàng hóa	Ghi chú
I	Thóc, gạo		
1	Thóc loại khác	1006.10.90.00	
2	Gạo thơm nguyên hạt	1006.30.11.00	
3	Gạo thơm không quá 5% tấm	1006.30.12.00	
4	Gạo thơm trên 5% đến 10% tấm	1006.30.13.00	
5	Gạo thơm trên 10% đến 25% tấm	1006.30.14.00	
6	Gạo thơm khác	1006.30.19.00	
7	Gạo nếp	1006.30.30.00	
II	Lá thuốc lá khô		
1	Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.10.00	
2	Lá thuốc lá chưa tước cọng, loại Virginia chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.20.00	
3	Lá thuốc lá chưa tước cọng loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	2401.10.30.00	
4	Lá thuốc lá chưa tước cọng loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	2401.10.90.00	

Tỷ lệ quy đổi:
2 kg thóc = 1 kg gạo

09646713

Phụ lục II

DANH SÁCH CÁC CẤP CỬA KHẨU

(kèm theo Quyết định số 11/2007/QĐ-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2007
của Bộ Công thương)

TT	Phía Việt Nam	Phía Campuchia
1	Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai)	Ô Da Dao (tỉnh Rattanakiri)
2	Buprăng (tỉnh Đắk Nông)	Ô răng (tỉnh Mondolkiri)
3	Hoa Lư (tỉnh Bình Phước)	Trapaing Sre (tỉnh Kratie)
4	Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh)	Ba Vét (tỉnh Xvay Riêng)
5	Xa mát (tỉnh Tây Ninh)	Trapaing Plong (tỉnh Công Pông Chàm)
6	Tràng Riệp (tỉnh Tây Ninh)	Đa (tỉnh Công Pông Chàm)
7	Cà Tum (tỉnh Tây Ninh)	Chăn Mun (tỉnh Công Pông Chàm)
8	Tổng Lê Chân (tỉnh Tây Ninh)	Sa Tum (tỉnh Công Pông Chàm)
9	Phước Tân (tỉnh Tây Ninh)	Bos môn (tỉnh Xvay Riêng)
10	Bình Hiệp (tỉnh Long An)	Prây Vo (tỉnh Xvay Riêng)
11	Vàm Đồn (tỉnh Long An)	Sre barang (tỉnh Xvay Riêng)
12	Mỹ Quý Tây (tỉnh Long An)	Xom Rông (tỉnh Xvay Riêng)
13	Dinh Bà (tỉnh Đồng Tháp)	Bon Tia Chak Cây (tỉnh Pray Veng)
14	Vĩnh Xương (tỉnh An Giang và Thường Phước (tỉnh Đồng Tháp)	Ka-oam Samnor (tỉnh Kan Đan) và Koh Rokar (tỉnh Prey Veng)
15	Tịnh Biên (tỉnh An Giang)	Phnom Den (tỉnh Ta Keo)
16	Khánh Bình (tỉnh An Giang)	Chrây Thum (tỉnh Kan Đan)
17	Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang)	Prek Chak (tỉnh Cam Pốt)